TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2022
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiệp
- Bà Nguyễn Thị Diệp Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K (T)***; Trụ sở chính: Số 191 phố B, phường L, quận B, Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: ***Ông Đặng Việt Tuấn; bà Nguyễn Thị Ngọc và bà Hoàng Thị Thanh Tâm*** - chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP K; địa chỉ liên hệ: Số 119 T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền số 1118-03/2021/UQ-TCB ngày 22/12/2021 của Ngân hàng T).

(Có mặt)

**** Bị đơn: Chị Vũ Quỳnh A,*** sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số 02 ngõ P, phường B, quận H, Hà Nội.

(Vắng mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1954 - (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số 02 ngõ P, phường B, quận H, Hà Nội.

2. Cụ Nguyễn Thị S; sinh năm 1924 - (Vắng mặt)

3. Chị Vũ Quỳnh H1; sinh năm 1980 - (Có mặt)

4. Anh Đặng Tuấn Đ; sinh năm 1998 (là cháu bà H và là con chị Quỳnh A). (Vắng mặt)

5. Cháu Vũ Ngọc Phương L; sinh ngày 28/10/2013 (là cháu bà H và là con chị H1).

6. Cháu Vũ Đặng Thiên H2; sinh ngày 06/9/2004 (là cháu bà H và là con chị Quỳnh A);

7. Cháu Đặng Minh P; sinh ngày 04/7/2019 (là cháu bà H và là con chị Quỳnh A).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Bà H là người giám hộ cho cháu H2 và cháu P. Chị H1 người giám hộ cho cháu L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31/11/2021 và những Bản tự khai, Đơn trình bày tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K (T) trình bày:***

Ngày 02/11/2011 chị Vũ Quỳnh A và Ngân hàng TMCP K (T) đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-HKM cùng Khế ước nhận nợ với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Mục đích vay vốn: Tiêu dùng thế chấp bất động sản

Lãi suất vay: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23%/năm; lãi suất vay áp dụng đối với khoản vay của bà Vũ Quỳnh A cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ một tháng một lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của T - Hội sở/Chi nhánh HKM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của chị Vũ Quỳnh A tại Ngân hàng T nêu tại Mục 1 trên là: Căn hộ chung cư/tập thể tại địa chỉ số 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị H. Tài sản bảo đảm trên được đăng lý giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi vay vốn Ngân hàng, chị Vũ Quỳnh A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. T đã nhiều lần đôn đốc chị Vũ Quỳnh A thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết hoặc bàn giao tài sản cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng chị Quỳnh A đã không

thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 05/12/2013 là ngày chị Vũ Quỳnh A thanh toán lần cuối cùng cho T. Kể từ ngày 06/12/2013 T chuyển khoản nợ của chị Quỳnh A sang nợ quá hạn.

Qua trình thực hiện Hợp đồng, ngày 05/12/2013 chị Vũ Quỳnh A thanh toán cho T tổng số tiền là 64.725.448 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.275.902 đồng và số tiền lãi là 49.449.546 đồng. Từ thời gian đó cho đến nay chị Quỳnh A không trả được thêm khoản nợ nào cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 07/7/2022, dư nợ của chị Vũ Quỳnh A tại T như sau:

Nợ gốc là 259.724.098 đồng;

Lãi trong hạn là: 273.361.895 đồng

Lãi quá hạn là: 212.227.983 đồng

Lãi phạt chậm trả là: 397.464.867 đồng

Tổng cộng là: 1.142.778.843 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng).

Nay Ngân hàng T đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bị đơn chị Vũ Quỳnh A thanh toán trả ngay cho T tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2022 là 1.142.778.843 đồng (một tỷ, một trăm bốn hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm bốn ba đồng), trong đó nợ gốc là 259.724.098 đồng, lãi trong hạn là 273.361.895 đồng, lãi quá hạn là 212.227.983 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là đồng nợ lãi 397.464.867 đồng và bị đơn chị Quỳnh A tiếp tục phải thanh toán khoản nợ lãi của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày 25/5/2022 cho đến khi chị Vũ Quỳnh A thanh toán xong hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Buộc chị Vũ Quỳnh A thanh toán cho T tiền phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là 20.777.928 đồng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Vũ Quỳnh A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án hoặc Văn phòng thừa phát lại tiến hành kê biên, xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Căn hộ chung cư/tập thể tại địa chỉ Số 02 ngõ P, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị H.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị Vũ Quỳnh A đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Vũ Quỳnh A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

**** Bị đơn - chị Vũ Quỳnh A***: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Quỳnh A theo quy định của pháp luật, nhưng chị Quỳnh A không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của

mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H trình bày:***

Bà là mẹ đẻ chị Vũ Quỳnh A, khoảng năm 2011 chị Quỳnh A nói với bà muốn vay tiền Ngân hàng để mở Shop thời trang bán quần áo. Do tin tưởng để tạo điều kiện cho con gái làm ăn nên bà đã đồng ý thế chấp căn hộ tại Số 2 ngõ P, phường B, quận H, Hà Nội được UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/6/2009 cho bà là Dương Thị H.

Sau khi bà thế chấp nhà để cho con gái là chị Quỳnh A vay tiền Ngân hàng, chị Quỳnh A đã kinh doanh bán quần áo thời trang được khoảng vài năm thì chị Quỳnh A nói với bà là bán hàng chậm, không bán được. Sau đó, bà cũng thấy chị Quỳnh A bán hàng onlie được một thời gian thì đến khoảng năm 2017 chị Quỳnh A bỏ nhà đi hiện bà và gia đình không ai có tín tức gì của chị Quỳnh A. Đến năm 2019 chị Quỳnh A sinh cháu thứ ba được khoảng ba tháng thì chị Quỳnh A mang con về số 2 ngõ P và bỏ lại con nhỏ ở nhà cho bà nuôi. Đến nay, gia đình bà không biết hiện nay chị Quỳnh A ở đâu, từ khi chị Quỳnh A bỏ nhà đi chị Quỳnh A không gọi điện và báo tin gì về cho bà và gia đình. Hiện nay bà vẫn phải nuôi các con của chị Quỳnh A.

Nay, Ngân hàng khởi kiện chị Quỳnh A đến Tòa án quận Hoàn Kiếm, buộc chị Quỳnh A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2022 với tổng số tiền cả gốc và lãi là: 1.142.778.843 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng).

Bà có ý kiến như sau: Do hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, chồng bà mất từ năm 2006, chị Quỳnh A bỏ nhà đi khoảng sáu năm nay bà không biết tin tức. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà trả số nợ gốc 259.724.098 đồng và một phần nợ lãi là 50.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ các khoản lãi còn lại. Nếu được như vậy, gia đình bà sẽ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho Ngân hàng.

Trường hợp Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bà thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Vũ Quỳnh H1 trình bày:***

Chị là con đẻ của bà Dương Thị H và là em ruột chị Vũ Quỳnh A, chị được Tòa án đưa chị và cháu Vũ Ngọc Phương L (con gái chị) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Về việc chị Quỳnh A vay tiền Ngân hàng, chị không biết. Đến nay chị được biết mẹ chị là bà H đã dùng tài sản là căn hộ số 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội để thế chấp cho khoản vay của chị Quỳnh A tại Ngân hàng T, chị có ý kiến như sau:

Chị Quỳnh A đã bỏ nhà đi cách đây 6 - 7 năm, đến năm 2019 chị Quỳnh A sinh cháu Đặng Minh P được khoảng ba tháng thì mang con về nhà cho mẹ chị nuôi rồi lại bỏ đi không cho gia đình biết địa chỉ ở đâu.

Hiện bà H mẹ chị đã già, không có lương hưu lại phải nuôi các con của chị Quỳnh A, bản thân chị không có việc làm ổn định, gia đình rất khó khăn về kinh tế.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chị đồng ý với quan điểm của bà H là đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà H trả nợ thay cho chị Quỳnh A số tiền nợ gốc là 259.724.098 đồng và một phần nợ lãi là 50.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ các khoản lãi còn lại. Nếu được như vậy, gia đình chị sẽ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho Ngân hàng. Nếu trường hợp Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bà H, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho gia đình chị.

Tại phiên tòa:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K (T) trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và đề nghị Toà án giải quyết:

1. Buộc chị Vũ Quỳnh A thanh toán trả cho T tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 761.700.770 đồng (bảy trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm bảy bảy đồng), trong đó

Nợ gốc là: 259.724.098 đồng,

Lãi trong hạn là: 277.213.359 đồng,

Lãi quá hạn là: 224.763.313 đồng,

Bị đơn chị Vũ Quỳnh A còn tiếp tục phải thanh toán khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/9/2022 cho đến khi chị Vũ Quỳnh A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nêu trên.

Đối với toàn bộ khoản lãi phạt chậm trả là 416.899.448 đồng và tiền phí phạt vi phạm Hợp đồng là 20.777.928 đồng. Ngân hàng đã có đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản lãi phạt chậm trả và tiền phí vi phạm Hợp đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu ở trên, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn - chị Vũ Quỳnh A***: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H trình bày:***

Bà H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên. Bà H xác nhận tính đến ngày 06/9/2022 chị Vũ Quỳnh A còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 761.700.770 đồng (bảy trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm bảy bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 259.724.098 đồng, lãi trong hạn là: 277.213.359 đồng, lãi quá hạn là: 224.763.313 đồng, như Ngân hàng trình bày là đúng.

Do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, chồng bà đã mất từ năm 2006, năm nay bà đã gần 70 tuổi, bà không có lương hưu, hàng ngày bà phải bán hàng nước để nuôi hai con của chị Quỳnh A, chị Quỳnh A bỏ nhà đi khoảng sáu năm

nay bà không biết tin tức. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà trả nợ thay cho chị Quỳnh A số tiền nợ gốc 259.724.098 đồng và một phần nợ lãi là 50.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ các khoản lãi còn lại. Gia đình bà sẽ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho Ngân hàng. Nếu Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bà thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Quỳnh H1 trình bày:***

Chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, do hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn, chị không có việc làm ổn định, bà H mẹ chị đã già không có lương hưu. Chị nhất trí với quan điểm của bà H là đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà H mẹ chị trả nợ thay cho chị Quỳnh A số tiền nợ gốc 259.724.098 đồng và một phần nợ lãi là 50.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ các khoản lãi còn lại. Gia đình bà sẽ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho Ngân hàng. Nếu Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bà H, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Chị Vũ Quỳnh A vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo, quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Quỳnh A, anh Đ, cụ S vì vắng mặt không có lý do là phù hợp với quy đinh tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-HKM ngày 02/11/2011 ký giữa Ngân hàng TMCP K (T) với chị Vũ Quỳnh A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, chị Quỳnh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng TMCP K (T) đã có đơn khởi kiện yêu cầu chị Quỳnh A trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi cho đến khi chị Quỳnh A thanh toán hết nợ cho T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi phạt chậm trả lãi và tiền phí phạt vi phạm hợp đồng nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo nêu trên của Ngân hàng nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, thực hiện đúng hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Bằng tài sản hợp pháp của mình, bà Dương Thị H thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của chị Quỳnh A. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Trường hợp chị Quỳnh A vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là: Căn hộ chung cư/tập thể tại địa chỉ Số 02 ngõ P, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4497.2011/HĐTC-TCB ngày 28/10/2011, để thu hồi khoản nợ. Trường hợp không đủ, chị Quỳnh A tiếp tục có trách nhiệm trả cho Ngân hàng đến khi trả hết khoản nợ.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả phần tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, người tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

***1.1. Về thẩm quyền*:** Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn chị Vũ Quỳnh A có hộ khẩu thường trú tại số 2 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. ***Về quan hệ pháp luật*:**

Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) khởi kiện chị Vũ Quỳnh A yêu cầu Tòa án tuyên chị Quỳnh A phải trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa T với chị Quỳnh A. Số tiền tranh chấp phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" - theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn T và bị đơn chị Vũ Quỳnh A ký kết Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-H KM ngày 02/11/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, các bên đều thỏa thuận ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 02/11/2026. Quá trình thực hiện Hợp đồng, do chị Quỳnh A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/03/2022, T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Ngày 30/03/2022 Tòa án quận Hoàn Kiếm thụ

lý đơn khởi kiện của T. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

1.4. Về người tham gia tố tụng:

Bà Dương Thị H có hộ khẩu thường trú tại số nhà 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội là nơi có diện tích nhà mà bà H sử dụng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của bị đơn Vũ Quỳnh A.

Cụ Nguyễn Thị S (là mẹ chồng bà H và là bà nội của bị đơn chị Quỳnh A), chị Vũ Quỳnh H1 (là con đẻ của bà H, em ruột bị đơn chị Quỳnh A); cháu Vũ Ngọc Phương L (là con chị H1 do chị H1 là người giám hộ); cháu Vũ Đặng Thiên H2 và cháu Đặng Minh P (là con đẻ của chị Quỳnh A và là cháu ngoại của bà H, do bà H là người giám hộ) cùng có hộ khẩu thường trú tại số nhà 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội và đang ăn ở sinh hoạt trên tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của chị Quỳnh A.

Anh Đặng Tuấn Đ (là con chị Quỳnh A) có hộ khẩu thường trú tại số nhà 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội nhưng hiện nay anh Đ không ăn, ở sinh sống trên tài sản thế chấp, hiện anh Đ chuyển đi ở đâu Công an phường, bà H và gia đình không biết.

Vì vậy, Tòa án đã đưa những người có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.4. Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Vũ Quỳnh A là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại số 2 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh Công an phường Hàng Buồm cung cấp cho Tòa án biết chị Vũ Quỳnh A, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 2 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Hiện chị Quỳnh A không ăn ở, sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ trên, đến nay, đi đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ" theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung"* và xác định địa chỉ số 2 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của chị Quỳnh A theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn chị Vũ Quỳnh A không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án yêu cầu chị Vũ Quỳnh A đến Tòa

án làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng chị Vũ Quỳnh A vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Toà án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30 ngày 15/8/2022 nhưng bị đơn chị Quỳnh A, cụ S và anh Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo tiếp tục phiên tòa vào hồi 08h30' ngày 06/9/2022. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Vũ Quỳnh A, cụ S và anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, Tòa án đã áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên tòa, phía nguyên đơn Ngân hàng có Văn bản gửi Tòa án về việc từ chối thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên tòa. Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về thời gian mở phiên tòa, nhưng tại phiên tòa bị đơn chị Vũ Quỳnh A, cụ S và anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Quỳnh A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ S và anh Đ là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là chị Vũ Quỳnh A phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) và chị Vũ Quỳnh A đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-HKM ngày 02/11/2011 và Khế ước nhận nợ số 50073 ngày 02/11/2011, với giá trị cho vay là 275.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể theo Khế nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều công nhận việc ký kết Hợp đồng trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên các Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Sau khi ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng trên, T đã giải ngân cho chị Quỳnh A theo Khế nhận nợ số 50073 ngày 02/11/2011, với tổng số tiền là 275.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Vũ Quỳnh A không đến Tòa án để tham gia phiên toà, không có lời khai, xác nhận về các nội dung trên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, chị Quỳnh A đã trả cho T được tổng số tiền là 64.725.448 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.275.902 đồng và số tiền lãi là 49.449.546 đồng. Sau đó, chị Quỳnh A vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ bị chuyển sang quá hạn. T đã khởi kiện chị Vũ Quỳnh A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Quỳnh A trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho T là 259.724.098 đồng. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân và số tiền nợ gốc chị Quỳnh A đã trả, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Ngân hàng T yêu cầu chị Quỳnh A phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 06/9/2022, lãi trong hạn là 277.213.359 đồng, lãi quá hạn là 224.763.313

đồng. Đối với khoản lãi phạt chậm trả và phí vi phạm Hợp đồng, Ngân hàng tự nguyện xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét khế ước nhận nợ số 50073 ngày 02/11/2011, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định giai đoạn 1 áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23%/năm; lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của bên vay cho thời gian tiếp theo sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 02/1; 1/4; 1/7 và 1/10 hàng năm và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của T - Hội sở/Chi nhánh HKM tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 8%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu qui định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng xác nhận số nợ gốc và lãi theo Khế ước nhận nợ. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tổng số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại Bảng tính tổng hợp gốc, lãi. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu chị Vũ Quỳnh A thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản lãi phạt chậm trả và phí phạt vi phạm Hợp đồng, Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xét.

Xác định đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2022 chị Quỳnh A còn nợ Ngân hàng T số tiền lãi trong hạn là 277.213.359 đồng, lãi quá hạn là 224.763.313 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu chị Quỳnh A tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ:

Khoản vốn vay của chị Vũ Quỳnh A tại T được thế chấp bằng một tài sản đảm bảo là quyền sở hữu hợp pháp căn hộ chung cư tại địa chỉ: Số 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội, cụ thể: Diện tích sàn (nhà ở, căn hộ): SD 13,3m^2 (mười ba phẩy ba mét vuông); kết cấu nhà: tường xây chịu lực, mái ngói, Cấp (hạng) nhà ở: Cấp III; số tầng: 2/2; Thời hạn được sở hữu: Lâu dài. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956, có diện tích sử dụng chung: 19,0 m^2 (mười chín mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị H.

Xét thấy: Quyền sở hữu hợp pháp căn hộ chung cư tại địa chỉ: Số 02 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội, cụ thể: Diện tích sàn (nhà ở, căn hộ): SD 13,3m^2 (mười ba phẩy ba mét vuông); kết cấu nhà: tường xây chịu lực, mái ngói, Cấp (hạng) nhà ở: Cấp III; số tầng: 2/2; Thời hạn được sở hữu: Lâu dài. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956, có diện tích sử dụng chung: 19,0 m^2 (mười chín mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị Hằng - theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4497.2011/HĐTC-TCB ngày 28/10/2011. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ và nghĩa vụ của chị Vũ Quỳnh A tại Ngân hàng T.

Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng T đề nghị Tòa án tuyên được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi khoản nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn - chị Vũ Quỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dâm sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 180; điêm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 280; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNNgày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);
- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) đối với bị đơn chị Vũ Quỳnh A về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

2. Buộc bị đơn chị Vũ Quỳnh A phải thanh toán trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-HKM ngày 02/11/2011 và Khế ước nhận nợ số 50073 ngày 02/11/2011, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2022 là:

Nợ gốc là: 259.724.098 đồng.

Lãi trong hạn là: 277.213.359 đồng.

Lãi quá hạn là: 224.763.313 đồng.

Tổng cộng là: 761.700.770 đồng (bảy trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

3. Bị đơn chị Vũ Quỳnh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/9/2022 cho đến khi chị Vũ Quỳnh A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 50073/HĐTD/TH-TN/TCB-HKM ngày 02/11/2011 và Khế ước nhận nợ số 50073 ngày 02/11/2011.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) đối với chị Vũ Quỳnh A về việc trả lãi phạt và phí phạt vi phạm Hợp đồng.

5. Trường hợp bị đơn chị Vũ Quỳnh A không trả được khoản nợ gốc, lãi trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) thì Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Căn hộ chung cư tại địa chỉ: Số 2 ngõ P, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội; kết cấu nhà: tường xây chịu lực, mái ngói, Cấp (hạng) nhà ở: Cấp III; số tầng: 2/2; Thời hạn được sở hữu: Lâu dài. Căn hộ nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 98/1F, tờ bản đồ số B4 lập 1956 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010515576530944, hồ sơ gốc số 1781/2009/QĐ do Uỷ ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 01/6/2009 cho bà Dương Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng. Tài sản được kê biên, phát mại theo diện tích thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

6. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì bị đơn chị Vũ Quỳnh A phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần K (T).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Bị đơn chị Vũ Quỳnh A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.468.000 đồng (ba mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

7.2. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp - theo Biên lai số 0051540 ngày 30/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

8. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị H, chị Vũ Quỳnh H1, vắng mặt bị đơn chị Vũ Quỳnh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị S, anh Đặng Tuấn Đ.

Tòa án báo nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị H, chị Vũ Quỳnh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn chị Vũ Quỳnh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị S, anh Đặng Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa